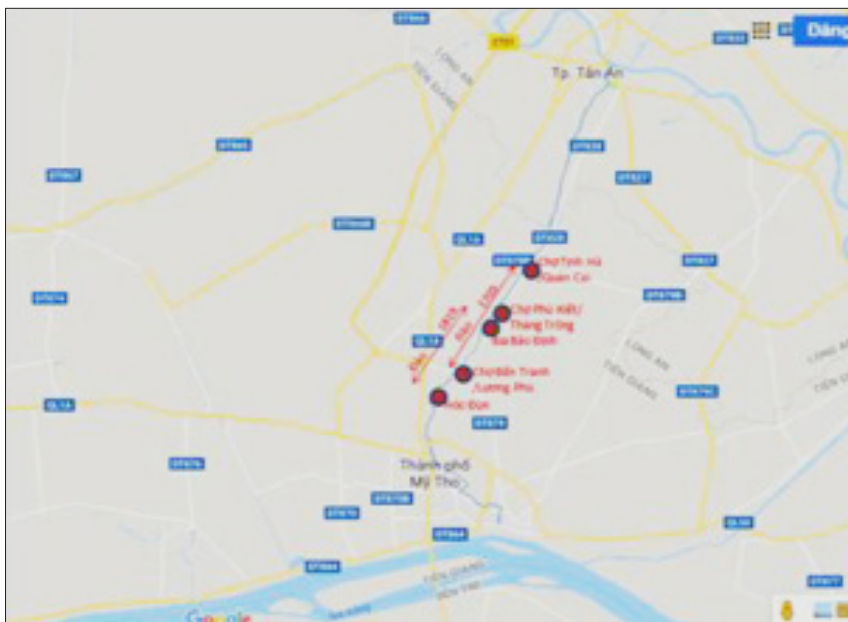


# ĐÍNH CHÍNH ĐÔI CHỖ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐÀO VẾT KÊNH BẢO ĐỊNH NĂM 1705 VÀ 1819

Lê Công Lý\*

Từ xa xưa, sông Vàm Cỏ Tây tại địa phận thành phố Tân An (tỉnh Long An) hiện nay đã có con rạch nhỏ gọi là rạch Vũng Gù, chảy về hướng nam khoảng 10km và cạn dần rồi kết thúc tại chỗ quán [Thị] Cai, nay là chợ Tịnh Hà, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Tại Mỹ Tho, từ Sông Tiền cũng có con rạch nhỏ gọi là rạch Mỹ Tho, chảy về hướng bắc khoảng 10km và cạn dần rồi kết thúc tại chỗ chợ Bến Tranh/ Lương Phú (xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) hiện nay. Phần ngọn con rạch này cũng cạn dần rồi kết thúc, nên dân gian gọi Hóc Đùn. Ở khoảng giữa đầu nguồn hai con rạch này là đất liền.



Hình 1: Bản đồ lịch trình đào kinh Bảo Định. Nguồn: Google maps. Lê Công Lý ký chú.

Do nhu cầu về quân sự và giao thông nên năm Ất Dậu 1705, Chính thống Vân Trường hầu (Nguyễn Cửu Vân) cho đào một con kinh nhỏ dài khoảng 9km làm hào lũy, nối hai đầu nguồn của hai con rạch này với nhau, gọi là kinh Vũng Gù.

Như vậy, kinh Vũng Gù là con kinh sớm nhất ở Nam Kỳ do người Việt đào nối Sông Tiền với sông Vàm Cỏ Tây để thông thương giữa miền Tây với Sài Gòn.

\* Chi hội Văn nghệ dân gian tại Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, do hai đầu của kinh Vũng Gù là hai con sông lớn (Sông Tiền và sông Vàm Cỏ Tây) vốn có chế độ thủy triều như nhau nên ở khoảng giữa có giáp nước, phù sa ứ đọng lâu ngày dẫn đến cạn lấp. Do đó, năm Kỷ Mão 1819, vua Gia Long cho đào vét lại kinh Vũng Gù từ chợ Thang Trông (xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo) đến Hóc Đùn (xã Đạo Thạnh, TP Mỹ Tho), dài 14 dặm rưỡi (khoảng 6,5km).

Kinh này đương thời ví như quốc lộ đường thủy huyết mạch để thông thương từ miền Tây lên Sài Gòn nên vua đặt tên là Bảo Định Hà<sup>(1)</sup> và cho khắc bia “Phụng khai tân cảng ký” dựng tại thôn Phú Kiết, vì đây chính là xuất phát điểm để đào về hướng Mỹ Tho. Đương thời con kinh này được xem là một trong 30 thắng cảnh của đất Gia Định nên được Trịnh Hoài Đức đề thơ “Tân Kinh thần mục” (Sáng sớm chẵn trâu ở Tân Kinh) trong *Cán Trai thi tập*.



Hình 2: Bia Bảo Định 1819. Ảnh: Lê Công Lý.

Bài “Phụng khai tân cảng ký”, gọi tắt là văn bia Bảo Định, hiện nay vẫn còn trên bia đá tại bờ kinh Bảo Định, gần chợ Phú Kiết, được xem như di vật quan trọng đối với lịch sử kinh Bảo Định nói riêng và lịch sử tỉnh Tiền Giang và cả Nam Bộ nói chung.

Tuy cả hai lần đào vét kinh Vũng Gù/Bảo Định nói trên đều được sử sách triều Nguyễn ghi nhận và riêng lần sau có dựng bia đá hẵn hoi, nhưng do ghi chép bằng chữ Hán nên việc phiên dịch có chỗ còn chưa chuẩn xác, đồng thời bia chữ Hán bị mất đến 5 chữ, trong đó có chữ cho biết khởi điểm đào kinh, nên bản dịch sang tiếng Việt còn nhiều bất nhất và sai sót.

Năm nay là năm 2019, đánh dấu kỷ niệm 200 năm đào vét kinh Bảo Định (1819 - 2019). Do đó, thiết nghĩ cũng nên nhìn lại và đánh giá lại các sử liệu về việc đào vét con kinh này để có thể hiểu chính xác hơn về các sự kiện liên quan.

### 1. Quán [Mụ/ Thị] Gai hay quán Thị Cai ?

Có sự khác nhau về tự dạng chữ *Cai* và tên cái quán này:

- *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, quyển 2: Đường trạm trên sông dinh Trấn Định viết [媒]菱館 Mụ Cai quán;

- *Gia Định thành thông chí*, nguyên bản in trong bản dịch của Viện Sử học ghi 氏菱館 *Thị Cai quán*, còn nguyên bản in trong bản dịch của Lý Việt Dũng ghi 氏該館 *Thị Cai quán*;

- *Đại Nam thực lục chính biên*, Đệ nhất kỷ, quyển 59 ghi 菱館 *Cai quán* (không có chữ 氏 *Thị*).

- *Nam Kỳ lục tỉnh địa dư chí* viết 氏菱館 *Thị Cai quán*.

Nếu viết [媒]菱館 *Mụ Cai quán*, 氏菱館 hay 氏該館 *Thị Cai quán* thì hiểu là “quán Bà Cai”, tức cái quán của vợ Ông Cai. Còn nếu viết 菱館 *Cai quán* thì hiểu theo chữ Hán là “quán có nhiều rễ cỏ”.

Cần chú ý, mặc dù có khác nhau về tự dạng chữ *Cai* như trên nhưng cần phải thống nhất đọc **Cai**, chứ không thể đọc là *Gai* như một số bản dịch (chẳng hạn Phan Đăng trong bản dịch *Hoàng Việt nhất thống địa dư chí*, Viện Sử học trong bản dịch *Gia Định thành thông chí*, Thượng Tân Thị trong bản dịch *Nam Kỳ lục tỉnh địa dư chí*). Bởi vì nếu đọc là “quán [Mụ/ Thị] Gai”, tức quán có nhiều cây gai xung quanh, thì có thể gây hiểu lầm. Trong khi đó, địa danh này có nghĩa hoàn toàn khác:

Ngay tại *quán Cai* xưa, nay là chợ Tịnh Hà (xã Mỹ Tịnh An), vốn là một *giáp nước* trên kinh Vũng Gù hồi các thế kỷ trước. Giáp nước này có tên là *giáp nước Cai Lộc*. Tại đây có con rạch nhánh của kinh Vũng Gù/ Bảo Định gọi là rạch Cai Lộc. Sở đất nằm dọc theo con rạch nhỏ này do ông Cai vệ Phạm Hoằng Lộc khai phá và làm chủ từ đầu thế kỷ XVIII, sau khi Nguyễn Cửu Vân cho đào kinh Vũng Gù (1705). Cây cầu bắc ngang vòm rạch Cai Lộc trước đây gọi là cầu Cai Lộc, nay là cầu Mỹ Tịnh An. Trong *Địa bạ Minh Mạng* cũng ghi nhận vùng này gọi là *xứ Cai Lộc*.<sup>(2)</sup> Do đó, chữ 該 *Cai* này gắn với ông Cai Lộc chứ không thể là cây 菱 *gai*. Và như vậy thì hai chữ 菱館 *Cai quán* trong *Đại Nam thực lục chính biên*, Đệ nhất kỷ, quyển 59 cũng cần điều chỉnh lại thành 該館 *Cai quán* và các tên *Mụ Gai*, *Thị Gai* trong các bản dịch nêu trên cần đổi lại cho đúng thành *Mụ Cai*, *Thị Cai*.

Đó là nói về chữ *Cai* 該. Còn về chữ *Quán* 館 thì ở đây không thể hiểu là *cái quán bán hàng* mà cần phải hiểu là một cụm gồm nhiều nhà nằm biệt lập, như xóm nhỏ. Bởi vì bà Cai tức vợ ông Cai vệ Phạm Hoằng Lộc là một thế gia trong vùng, không thể nào cất quán bán hàng hay quán trọ như những nhà thường dân khác. Địa danh *Thị Cai*, *Mụ Cai* này cũng tương tự như địa danh *Thị Nghè* hay *Mụ Nghè*, *Bà Nghè* ở Sài Gòn, là tên người phụ nữ gọi theo chức vụ của chồng.

Sở dĩ có cụm nhà biệt lập nằm tại đoạn này vì, như đã nói, đây là nơi *giáp nước*, tức chỗ ngừng nghỉ bắt buộc của ghe thuyền ngày xưa để chờ đổi con nước cho hành trình được thuận con nước, ít tốn sức chèo chống. Chỗ ngừng nghỉ lâu ngày sẽ hình thành một cụm dân cư, nay là khu chợ Tịnh Hà, xã Mỹ Tịnh An.

Do đó, nếu dịch 氏該館 *Thị Cai quán* hay [媒]菱館 *Mụ Cai quán* thành *quán Thị Gai, quán Gai, quán Bà Gai hay quán Mụ Gai* thì chẳng những không chính xác so với thực tế lịch sử mà còn làm chôn vùi nhiều dữ kiện lịch sử và địa lý quan trọng của vùng đất này.

## 2. Phú Lương hay Lương Phú ?

Lương Phú tuy chỉ là tên thôn/ làng nhưng khá nổi tiếng, bởi vì khi nhắc tới việc đào kinh Vũng Gù/ Bảo Định thì sử sách luôn nhắc việc khơi nguồn “từ quán [Thị] Cai tới chợ Lương Phú”<sup>(3)</sup> để thông từ Sông Tiền chỗ Mỹ Tho qua sông Vàm Cỏ Tây chỗ Tân An. Chợ Lương Phú có tên dân gian là chợ Bến Tranh, nay vẫn còn thuộc xã Lương Hòa Lạc. Trong sách *Gia Định thành thông chí* có ghi rõ: 良富市俗名變爭良富村地 *Lương Phú thị tục danh Bến Tranh, Lương Phú thôn địa* (chợ Lương Phú tục danh là [chợ] Bến Tranh, thuộc đất thôn Lương Phú).



Hình 3: Cổng đình Lương Phú (Bến Tranh), xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Ảnh: Lê Công Lý.

Vậy mà mấy chục năm nay có nhiều tác giả các công trình nghiên cứu vốn không phải người địa phương, khi viết lách vẫn gọi “chợ Phú Lương” [sic], thay vì “Lương Phú”. Đó là do các tác giả này dẫn theo *Đại Nam thực lục chính biên*, *Đệ nhất kỷ* (bản dịch của Viện Sử học) và *Đại Nam nhất thống chí, tỉnh Định Tường* (bản dịch của Nguyễn Tạo trước 1975 và của Đào Duy Anh dịch sau 1975).

Tuy nhiên, khi tra lại nguyên bản *Đại Nam thực lục chính biên*, *Đệ nhất kỷ*, quyển 59 thì sẽ thấy giới hạn đoạn kinh đào được ghi rõ ràng là 自菱館至良富市 *Tự Cai quán chí Lương Phú thị* (từ quán Cai tới chợ Lương Phú).

Tương tự như vậy, trong *Gia Định thành thông chí* trước đó cũng ghi rõ ràng là: 雲長侯起長壘自氏菱館至良富市 *Vân Trường hầu khởi trường lũy tự Thị Cai quán chí Lương Phú thị* (Vân Trường hầu cho đào lũy dài từ quán Thị Cai tới chợ Lương Phú).

Như vậy, rõ ràng là nguyên bản *Gia Định thành thông chí* và *Đại Nam thực lục* đều ghi nhận 良富市 *Lương Phú thị* (chợ Lương Phú) chứ không hề có cái chợ Phú Lương [sic] nào. Mặc dù từ ngày 24/11/1932, làng Lương Phú được sáp nhập với hai làng Long Hòa và An Lạc thành làng Lương Hòa Lạc nhưng ngôi đình Lương Phú và chợ Bến Tranh (tức chợ Lương Phú) vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

### 3. Phú Lung hay Thang Trông ?

Trong văn bia, ngoài tên sự vật ra, không gì quan trọng bằng thời gian và địa điểm. Văn bia Bảo Định tới nay vẫn còn gần như nguyên vẹn, chữ viết còn khá rõ. Chỉ tiếc là bị sứt mẻ đá nên mất gần trọn 5 chữ ở mép dưới, trong đó có một chữ quan trọng ở cuối cột thứ 5 cho biết khởi điểm của con kinh này.

Khoảng năm 2010, ông Nguyễn Văn Năm có phiên âm và dịch văn bia này (bản thảo), nhưng cũng bỏ qua chữ quan trọng bị mất này.

Năm 2012, tác giả Lê Quang Trường có công bố bản đọc, phiên âm và dịch văn bia này trên tạp chí *Hán Nôm* số 5 (114) 2012.<sup>(4)</sup> Đóng góp của ông Trường chủ yếu là căn cứ vào văn cảnh và các tư liệu liên quan để điền khuyết 5 chữ bị mất nói trên là: 自富 tự *Phú* (cuối cột 5), 惟 duy (cuối cột 6), 永寧 vĩnh ninh (cuối cột 7). Năm chữ này được tác giả “khắc định” là như vậy.

Tuy nhiên, bằng kiến thức thực tế về địa bàn, chúng tôi thấy chữ Phú 富 mà ông Trường “khắc định” trong câu: 起功自富篋市至美萩汛 khởi công tự *Phú Lung thị chí Mỹ Tho tán* (khởi công từ chợ Phú Lung tới tán<sup>(5)</sup> Mỹ Tho) là không đúng. Ông Trường suy luận: Phú Lung chính là Phú Lương, tức Lương Phú. Chỗ này chúng tôi xin có mấy câu hỏi:

- Căn cứ nào cho biết Phú Lung là Phú Lương và Phú Lương là Lương Phú?
- Nếu đào kinh từ chợ Lương Phú ra tới cửa sông Mỹ Tho thì vô lý, vì:

a. *Đại Nam thực lục chính biên*, Đệ nhất kỷ, quyển 59 ghi: 美萩小江流至良富市 *Mỹ Tho tiểu giang lưu chí Lương Phú thị* (sông nhỏ/ rạch Mỹ Tho chảy đến chợ Lương Phú). Như vậy, đương thời đoạn rạch này đã thông thương thì đào làm gì?

b. *Đại Nam thực lục chính biên*, Đệ nhất kỷ, quyển 59 cũng cho biết từ quán [Thị] Cai tới chợ Lương Phú: 中間田地南北連亘 *trung gian điền địa nam bắc liên hoàn* (ở khoảng giữa là ruộng đất nối liền nam bắc). Như vậy, đây mới là đoạn cần đào để khơi dòng chảy, sao lại không đào mà lại “đào” [sic] ở chỗ đang thông thương?

Tra *Gia Định thành thông chí* và *Đại Nam thực lục*, thấy ghi lịch trình đào kinh Vũng Gù hồi 1705 là: 自菱館至良富市 *tự Cai quán chí Lương Phú thị* (đào từ quán Cai tới chợ Lương Phú) và lệnh vua phê năm 1819 là: 奉旨直度自望梯至旭同長十四里半 *Phụng chỉ trực độ tự Vọng Thê chí Húc Đồng trường thập tứ lý bán* (phụng chỉ đào thẳng từ Vọng Thê/ Thang Trông tới Húc Đùn dài 14 dặm rưỡi), tức từ chợ Phú Kiết tới Húc Đùn chứ không phải đoạn từ chợ Lương Phú xuống Mỹ Tho như ông Trường “khẳng định”.

Mặt khác, ở chính giữa hai đầu là *quán Cai* và chợ Lương Phú trước đó 114 năm (tức 1705), như đã giới thiệu ở trên, ông Vân Trường hầu đã cho dựng một cái chòi cao để đứng ngắm địa thế đo đạc và đào cái hào lũy nhỏ nối hai đầu này (quán Cai và chợ Lương Phú) với nhau. Cái chòi cao có bắc thang lên trên cao để trông được xa, nên dân gian kêu Thang Trông, chữ Hán viết 望梯 Vọng Thê. Cái chợ mọc lên kế đó, vì vậy kêu là chợ Thang Trông, nay là chợ Phú Kiết. Nói tóm lại, theo địa danh ngày nay thì:

- Năm 1705 đã đào lũy dài từ chợ Tịnh Hà (xã Mỹ Tịnh An) tới chợ Bến Tranh (xã Lương Hòa Lạc);

- Năm 1819 đào vét lại đường nước cũ từ chợ Phú Kiết (xã Phú Kiết) tới Húc Đùn (xã Đạo Thạnh) vì nó bị cạn lấp. Lần đào vét này căn bản là theo đường kinh Vũng Gù cũ hồi 1705 nhưng lịch trình đào có khác chút ít: không vét đoạn (4.454m) từ chợ Tịnh Hà đến chợ Phú Kiết mà vét lại đoạn cũ (4.244m) từ chợ Phú Kiết đến chợ Bến Tranh và vét thêm đoạn (2.200m) từ chợ Bến Tranh tới Húc Đùn.

Quay lại văn bia Bảo Định, ông Trường đọc: 起功自[?]籠市至美萩汛 *khởi công tự [?] Lung thị chí Mỹ Tho tẩn* (mất chữ thứ tư [?]). Có lẽ chính vì bị ám ảnh bởi địa danh Phú Lương [sic] không có thật nói trên, nên khi thấy trên bia có chữ 籠 (Lung), ông Trường liền nghĩ tới địa danh Phú Lương [sic] này, nên mới “khẳng định” là mất chữ 富 *Phú* để “ép” địa danh Phú Lung [sic] thành Phú Lương: 起功自富籠市至美萩汛 *khởi công tự Phú Lung thị chí Mỹ Tho tẩn*. Và ông dịch là: “đào từ chỗ chợ Phú Lung đến bến<sup>(6)</sup> Mỹ Tho”, rồi ông giảng: *Phú Lung là Phú Lương, tức là Lương Phú [sic]*. Thành ra mới có cơ sự nói trên: Chỗ cần đào không đào, chỗ không cần đào lại đào!

Vậy mấu chốt vấn đề là ở chữ cuối cùng của cột thứ 5 bị mất mà thầy Trường “khẳng định” là chữ Phú 富. Tuy nhiên, để biết thực ra nó là chữ gì thì nên căn cứ chữ kê sau nó, đó là chữ 籠.

Chữ 籠 được ông Trường đọc là *Lung*, kể cũng đúng. Nhưng nếu đọc là *Lung* thì sẽ bẽ tắc, vì trên thực địa xưa nay không hề có cái chợ Phú Lung [sic] nào ở chỗ chợ Lương Phú (tức chợ Bến Tranh) hiện nay, càng không có chợ Phú Lung [sic]

nào ở chỗ chợ Phú Kiết hiện nay. (Thực tế cái chợ này phải cách chợ kia ít nhất cũng vài cây số, chứ không có hai cái chợ nào ở cạnh nhau).

Do đó, cần phải đi tìm cách đọc khác khả dĩ cho chữ 筥 này. Và bất ngờ là, khi tra theo chữ Nôm, chúng tôi phát hiện ra chữ 筥 này còn có âm là **Trông**. Vậy dễ dàng suy ra chữ bị mất kê trước nó là chữ Thang: **Thang Trông**.

Vậy là văn bia vốn viết: 起功自湯筥市至美萩汛 *khởi công tự Thang Trông thị chí Mỹ Tho tẩn* (đào từ chỗ chợ Thang Trông đến tẩn Mỹ Tho), tức đào từ chợ Phú Kiết tới Mỹ Tho, hiểu là khởi đào từ chỗ chợ Phú Kiết ngày nay cho tới Hóc Đùn (xã Đạo Thạnh, TP Mỹ Tho ngày nay), tức qua khỏi Lương Phú một đoạn.

Điều này hoàn toàn khớp với *Gia Định thành thông chí* khi miêu tả lịch trình đào kinh: 自望梯至旭同 *tự Vọng Thê chí Húc Đồng* [Hóc Đùn] (từ Vọng Thê tới Hóc Đùn). Và sách này cũng chú thích rõ 望梯俗名湯[矚] *Vọng Thê tục danh Thang Trông*.<sup>(7)</sup> Đồng thời, trước đó, sách *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* cũng ghi nhận đường thủy đi theo kinh Vũng Gù từ quán Cai: 一千七百四十尋至湯[筥望] 橋<sup>(8)</sup> *Nhất thiên thất bách tứ thập tầm... chí Thang Trông kiều* ([đi tiếp] 1.740 tầm... đến cầu Thang Trông<sup>(9)</sup>).

Nói tóm lại, chữ cuối dòng thứ 5 trong bia Bảo Định chính là chữ Nôm 湯 có âm là *Thang*, chữ kế sau cũng là chữ Nôm 筥, âm là *Trông*. Nói cách khác, trong bản “khẳng định” của ông Trường có 2 chữ 富筥 (trong đó chữ Phú 富 là do ông Trường suy đoán) và ông đọc là *Phú Lung*, cần phải đính chính lại thành hai chữ 湯筥 và đọc là **Thang Trông**. Ngoài cách viết 湯筥, địa danh Thang Trông còn có thể viết 湯[矚] như *Gia Định thành thông chí* hay 湯[筥望] như *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*.

#### 4. Thay lời kết

Như vậy, khởi đi từ lỗi phiên âm nhầm địa danh *Lương Phú* thành *Phú Lương* [sic] của dịch giả Nguyễn Tạo và Viện Sử học mà dẫn đến việc ông Lê Quang Trường suy đoán ra cái tên chợ Phú Lung [sic] chưa từng có rồi gán cho chợ Lương Phú (tức chợ Bến Tranh). Hậu quả là lịch trình đào kinh Bảo Định bị hiểu sai lệch đi kinh khủng: Mất đến 4.244m (đoạn từ chợ Phú Kiết/ Thang Trông đến chợ Lương Phú/ Bến Tranh); và nghiêm trọng hơn là sai trái đến 180 độ:

- Đoạn cần đào và có lệnh vua cho đào (từ chợ Phú Kiết/ Thang Trông đến chợ Lương Phú/ Bến Tranh) lại không đào;

- Ngược lại, đoạn không cần đào (từ Lương Phú/ Bến Tranh đến Mỹ Tho), thì lại đào!

Ngoài ra, địa danh *quán* [Thị] *Cai* vốn gắn với ông Cai Lộc và xứ Cai Lộc (ở xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang), do một số dịch giả không am

hiểu địa phương nên dịch thành *quán Mụ Gai* hay *quán Thị Gai*, làm sai lệch và mất tính lịch sử, hậu quả là ngay cả người địa phương đọc bản dịch cũng không biết địa danh này ở đâu.

Nhân kỷ niệm 200 năm đào vét kinh Bảo Định (1819 - 2019), chắc chắn bia Bảo Định cũng như các địa danh *quán [Thị] Cai*, *Lương Phú* và *Thang Trông* sẽ được nhắc tới càng nhiều hơn, nên xin cứ ghi theo thực tế địa phương là *quán [Thị] Cai*, *Lương Phú*, *Thang Trông*, vì xưa nay dân gian vẫn gọi như vậy và sử sách cũng đã ghi như vậy, chứ không hề bao giờ có *quán Mụ Gai* hay *quán Thị Gai*, chợ *Phú Lương* [sic] hay *Phú Lung* [sic] nào.

Nhân đây cũng xin nhắc quý bạn đọc cũng đừng quá tin vào sách *Đại Nam nhất thống chí*, *Lục tỉnh Nam Việt*, vì nó vốn được soạn khá cập rập, khi Nam Kỳ đã rơi vào tay thực dân Pháp. Nên dựa vào *Gia Định thành thông chí* vốn được Trịnh Hoài Đức là quan địa phương biên soạn một cách tề chỉnh, dựa trên kiến thức thực địa. Mặc khác, nếu muốn căn cứ vào *Đại Nam thực lục*, thì nên chú ý, bản dịch của Viện Sử học phiên âm nhầm địa danh Lương Phú thành Phú Lương [sic] .

L C L

## CHÚ THÍCH

- (1) *Đại Nam thực lục chính biên*, Đệ nhất kỷ, Quyển 59 ghi: 賜名保定河 *Tứ danh Bảo Định Hà* (ban tên Bảo Định Hà).
- (2) Cách vàm rạch Cai Lộc khoảng 500m về hướng đông hiện nay còn hai ngôi mộ cổ của ông Phạm Hoàng Sở (mộ bia ghi *Phụ quốc công thần Quang tiến Chiêu nghị tướng quân Hộ quân Kinh Bắc trấn, Trấn thủ Khâm sai Chuông cơ Phạm quý công Ích Mẫn Trục phủ quân chi mộ*) và phu nhân là con trai và con dâu của ông Cai Lộc. Con trai của ông Phạm Hoàng Sở là Phạm Hoàng Đạt, đậu cử nhân năm 1842, làm Án sát Hà Tiên. Hiện nay tại đình thờ Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân (trước đây gọi là đình Tịnh Hà) có thờ bài vị ba vị Phạm Hoàng Lộc, Phạm Hoàng Sở, Phạm Hoàng Đạt.
- (3) Mấy chục năm nay, đường bộ phát triển nên người ta cũng biết tới “ngã tư Lương Phú” (ngã tư để từ quốc lộ 1 đi vô chợ Lương Phú): chỗ giao giữa tỉnh lộ 878 với quốc lộ 1. Đặc biệt, từ 2010, khi khánh thành đường cao tốc Chợ Đệm - Trung Lương, người ta càng biết tới ngã tư Lương Phú hơn, vì nó là ngã nối để từ quốc lộ 1 đi vô đường cao tốc.
- (4) Nguyên văn:

奉開新港記

戊寅年季冬月承公同傳欽奉旨敕准以來春開掘定祥江港，明年己卯春正月奉行規料傳當炤起定祥鎮三千二百二十五丁。欽差掌奇領監城使任信侯按圖指授。定祥鎮欽差鎮守寶善侯奉督丁夫開作。欽差嘉定城副總鎮侍中左統制理文侯奉就處重督在城。欽差總鎮掌前軍平西將軍德郡公，欽差叶總鎮吏部尚書安全侯叶心炤料。給發糧餉每人錢一頭米一方。以正月二十八日起功，自富篋市至美萩汛，或直掘平田，或堰治江岸，淺者深之，曲者直之，兩岸成堤，一望如砥，至閏四月初十日告竣，江水流放，港與江齊是役也。仰惟聖天子明周萬里，追念



開創初親所履歷，其江路多之玄屈曲，又有泥淺淤塞之處，公私往來舟楫不利，不一勞不久佚，不暫費不永寧，假旬月之功以為千萬年無窮之便。晴暑相順，眾力告成，有以見九重理會地道之勤與子民趨赴之力並垂不朽，輒敢具述其大略與起就之年月併書于石以壽其傳云  
嘉隆十八年閏四月初十日。

Phiên âm:

### **PHỤNG KHAI TÂN CẢNG KÝ**

Mậu Dần niên quý đông nguyệt, thừa Công đồng truyền, khâm phụng chỉ ban chuẩn dĩ lai xuân khai quật Định Tường giang cảng, minh niên Kỷ Mão xuân chánh nguyệt, phụng hành quy liệu trại đương chiếu khởi Định Tường trấn tam thiên nhị bách nhị thập ngũ đình. Khâm sai Chương cơ lãnh Giám thành sứ Nhậm Tín hầu án đồ chỉ thụ. Định Tường trấn Khâm sai trấn thủ Bửu Thiện hầu phụng đốc đình phu khai tác. Khâm sai Gia Định thành Phó tổng trấn Thị trung Tả thống chế Lý Văn hầu phụng tựu xứ trùng đốc tại thành. Khâm sai Tổng trấn Chương Tiễn quân Bình Tây tướng quân Đức Quận công, Khâm sai Hiệp tổng trấn Lại Bộ Thượng thư An Toàn hầu hiệp tâm chiếu liệu. Cấp phát lương hướng mỗi nhân tiền nhất đầu, mễ nhất phương, dĩ chánh nguyệt nhị thập bát nhật khởi công tự Phú Lung thị chí Mỹ Tho tẩn, hoặc trực quật bình điền, hoặc yển trị giang ngạn, thiển giả thâm chi, khúc giả trực chi, lưỡng ngạn thành đê, nhất vọng như chỉ, chí nhuận tứ nguyệt sơ thập nhật cáo thuân, giang thủy lưu phóng, cảng dĩ giang tề thị dịch dã. Ngưỡng duy Thánh thiên tử minh chu vạn lý, truy niệm khai sáng sơ thân sở lý lịch, kỳ giang lộ đa chi huyền khuất khúc, hựu hữu nê thiển ú tắc chi xứ, công tư vãng lai chu tiếp bất lợi, bất nhất lao bất cửu dật, bất tạm phí bất vĩnh ninh, giả tuân nguyệt chi công dĩ vi thiên vạn niên vô cùng chi tiện. Tinh thủ tương thuận, chúng lực cáo thành, hữu dĩ kiến Cửu trùng lý hội, địa đạo chi cần dĩ tử dân xu phó chi lực tịnh thủy bất hủ, triếp cảm cụ thuật kỳ đại lược dĩ khởi tựu chi niên nguyệt tính thư vu thạch dĩ thọ kỳ truyền văn.

Gia Long thập bát niên nhuận tứ nguyệt sơ thập nhật.

Dịch nghĩa:

### **BÀI KÝ VẮNG MỆNH VUA KHAI THÔNG CẢNG MỚI**

Tháng Chạp năm Mậu Dần (1818), thừa Công đồng truyền, phụng chỉ dụ ban chuẩn vào mùa xuân tới sẽ đào mở cảng sông ở Định Tường. Năm sau, tháng Giêng năm Kỷ Mão (1819), vâng theo phép độ liệu việc, lấy dân đình ở trấn Định Tường gồm 3.225 người. Khâm sai Chương cơ lãnh Giám thành sứ Nhậm Tín hầu chiếu theo bản vẽ để chỉ bảo. Khâm sai Trấn thủ trấn Định Tường Bửu Thiện hầu vâng mệnh đốc thúc dân đình trai tráng đào mở khơi thông. Khâm sai Phó Tổng trấn Thị trung Thống chế thành Gia Định Lý Văn hầu nhận việc đến nơi đôn đốc thêm ở thành.

Khâm sai Tổng trấn Chương Tiễn quân Bình Tây tướng quân Đức Quận công, Khâm sai Hiệp Tổng trấn Lại Bộ Thượng thư An Toàn hầu cùng hiệp tâm lo liệu sự việc. Tiếp tục cấp lương hướng cho mỗi người tiền một thời, gạo một phương. Khởi công từ ngày 28 tháng Giêng, đào từ chỗ chợ Phú Lung đến bến Mỹ Tho, hoặc có chỗ đào thẳng ruộng bằng, hoặc có chỗ đắp đập bờ sông, chỗ cạn thì khơi sâu thêm, chỗ cong thì đào thẳng lại, hai bờ đắp thành đê, nhìn khắp trông như phiến đá phẳng, làm vậy cho đến ngày 10 tháng 4 nhuận thì việc xong, nước sông giờ thông chảy, cảng với sông thông nhau đều nhờ việc này. Ngưỡng mong Thánh thượng sáng suốt soi xét, nghĩ đến sự trạng của những người đã có công khơi

mở trước đây. Dòng sông này vốn nhiều nhánh, quanh co hiểm yếu, lại thêm có chỗ bùn đất lấp vùi thành ứ tắc, thuyền bè qua lại dầu việc công hay tư đều bất tiện, nếu không chịu một nhọc một lúc thì chẳng được nhàn dật lâu dài, nếu không chịu phí hao tạm thời thì chẳng được yên ổn mãi mãi, giả như bỏ cái công sức trong mười ngày một tháng mà làm nên sự tiện lợi lâu dài cả ngàn vạn năm. Mưa nắng thuận hòa, người người góp sức nên công, có thể thấy, đáng Cừu trùng hiểu thấu, đạo trời đất chuyên cần và sự ra sức của con dân thật đáng cùng nhau bắt hủ, bền mạnh dạn thuật lại đại khái sự việc cùng năm tháng khởi công và kết thúc, đồng thời viết vào đá để truyền lại lâu dài.

Ngày 10 tháng Tư nhuận năm Gia Long thứ 18 (1819).

Theo Lê Quang Trường (2012), “Phụng khai tân cảng ký, văn bia ghi việc đào kênh Bảo Định ở Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 5 (114) 2012, tr.75 - 80.

- (5) Tấn 汛 là đồn lập sát mé sông để canh giữ, tra xét đường thủy.
- (6) Thực ra, dịch 汛 tấn thành bến là không chính xác.
- (7) *Gia Định thành thông chí*, Quyển 2: *Sơn xuyên chí*, trấn Định Tường.
- (8) *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Quyển 2: *Đường trạm trên sông dinh Trấn Định*, tờ 66a.
- (9) Sách *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* cho biết cầu Thang Trông này dài 12 tầm (30,7m), nên chắc chắn là cây cầu bắc ngang kinh Vũng Gù để cho dân cư ở bờ tây có thể đi chợ ở bờ đông kinh Vũng Gù.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Duy Minh Thị (1872, tái bản 2018), *Nam Kỳ lục tỉnh địa dư* chí, Thượng Tân Thị dịch, Nxb Thuận Hóa, Huế.
2. Lê Quang Định (1806, tái bản 2005), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Bản dịch của Phan Đăng, Nxb Thuận Hóa, Huế.
3. Lê Quang Trường (2012), “Phụng khai tân cảng ký, văn bia ghi việc đào kênh Bảo Định ở Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 5 (114) 2012, tr.75 - 80.
4. Nguyễn Đình Đầu (1994), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: Định Tường*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1821-1909, bản dịch 2004), *Đại Nam thực lục*, Tập 1: *Tiền biên*, Bản dịch Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1821-1909, tái bản 1968), *Đại Nam thực lục chính biên, Đế nhất kỷ* (bản chữ Hán), The Oriental Institute, Keio University, Tokyo, Japan.
7. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1865-1882, bản dịch 1959), *Đại Nam nhất thống chí, Lục tỉnh Nam Việt*, Nha Văn hóa - Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn.
8. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân chủ biên (2007), *Địa chí Tiền Giang*, Tập 2, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang - Trung tâm UNESCO Thông tin Tư liệu Lịch sử Văn hóa Việt Nam xuất bản.
9. Trịnh Hoài Đức (1820?, tái bản 1999), *Gia Định thành thông chí*, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Trịnh Hoài Đức (1820?, tái bản 2005), *Gia Định thành thông chí*, Bản dịch của Lý Việt Dũng, Nxb Đồng Nai.

## TÓM TẮT

Kinh Vũng Gù được đào năm 1705, đến năm 1819 được đào vét lại gọi là kinh Bảo Định. Trong các thế kỷ trước, đây chính là quốc lộ đường thủy từ miền Tây lên Sài Gòn (nối Sông Tiền và sông Vàm Cỏ Tây), nên việc đào vét được sử sách ghi chép và dựng bia đá kỷ niệm hẳn hoi. Tuy nhiên, do ghi chép bằng chữ Hán nên việc phiên dịch có chỗ còn chưa chuẩn xác, đồng thời bia bị mất đến 5 chữ, nên bản dịch sang tiếng Việt còn nhiều bất nhất và sai sót.

Nhân kỷ niệm 200 năm đào vét kinh Bảo Định (1819 - 2019), bài viết thử đánh giá lại các sử liệu để có cách hiểu chính xác hơn về lịch sử đào vét con kinh quan trọng này.

## ABSTRACT

### **CORRECTING SOME MISTAKES RELATED TO THE DIGGING AND DREDGING OF BẢO ĐỊNH CANAL IN 1705 AND 1819.**

Vũng Gù Canal was dug in 1705, and in 1819 it was dug again and named Bảo Định Canal. In some previous centuries, it was the national waterway linking the Southwest to Saigon (linking Tiền River and Vàm Cỏ Tây River), so the digging and dredging was recorded in some historical books and on stone stele. However, because it was written in Chinese characters, the translation has some mistakes, and five of the Chinese characters on the stele has lost, the Vietnamese translation is much inconsistent and wrong.

On the occasion of the 200<sup>th</sup> anniversary of Bảo Định Canal's digging and dredging (1819 - 2019), the article reviews some historical documents so that we can have more accurate understanding on the history of digging and dredging such important canal.